CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Ngày 31/12/2025	23,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**0.6%**	**26.8%**

DT thuần
Q4/25
131
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00| 7.5%
YoY: ▼14.0| -9.6%

LN thuần
Q4/25
38.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.50| 10.0%
YoY: ▲ 18.3| 89.8%

LN sau thuế
Q4/25
45.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.2| 61.1%
YoY: ▲ 29.0| 178%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
49.0%
YoY: +/-▲ 21.3%

ROE
2025
30.0%
YoY: +/-▲ 17.0%

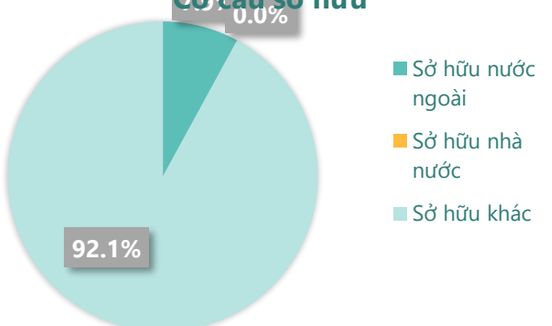
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,949 - 25,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	584
Số lượng CPLH (CP)	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,405
Sở hữu nước ngoài	7.9%
Beta	0.44
EPS	6,791
P/E	3.4

DT thuần
2025
496
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 1.3%

LN thuần
2025
147
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 67.2| 83.6%

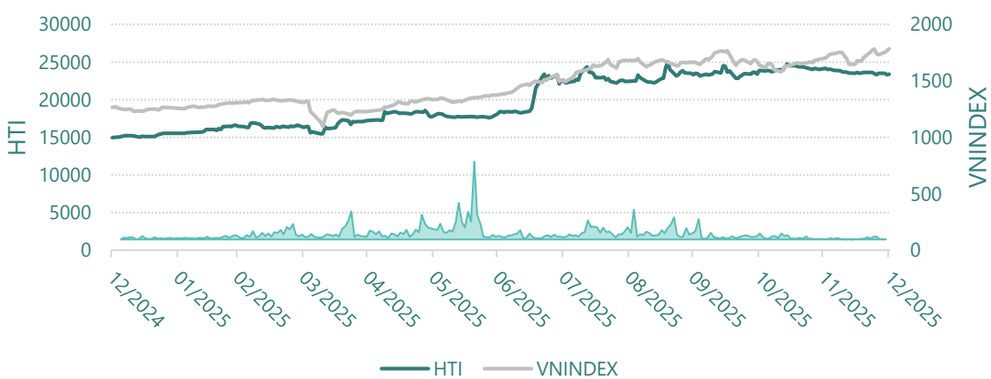
LN sau thuế
2025
169
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105| 166%

Cơ cấu sở hữu

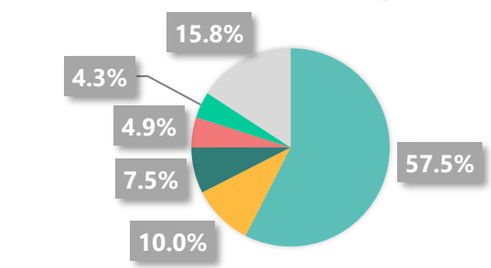


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

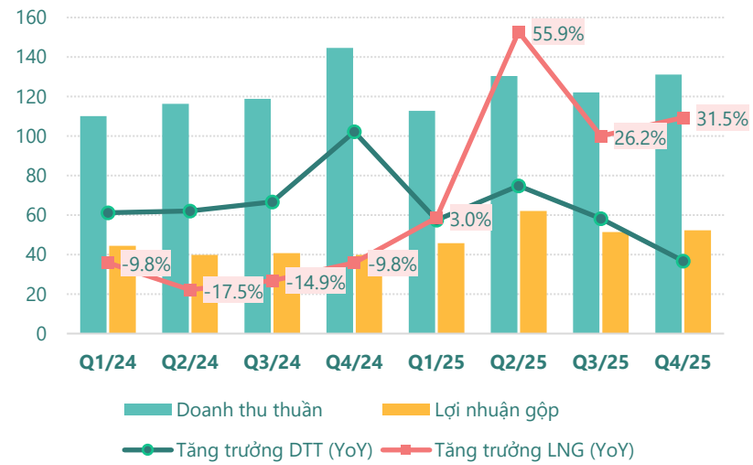


- Tổng công ty IDICO - CTCP
- Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO
- Finansia Syrus Securities Public Company Ltd
- America LLC
- CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

(Nguồn: fireant.vn)

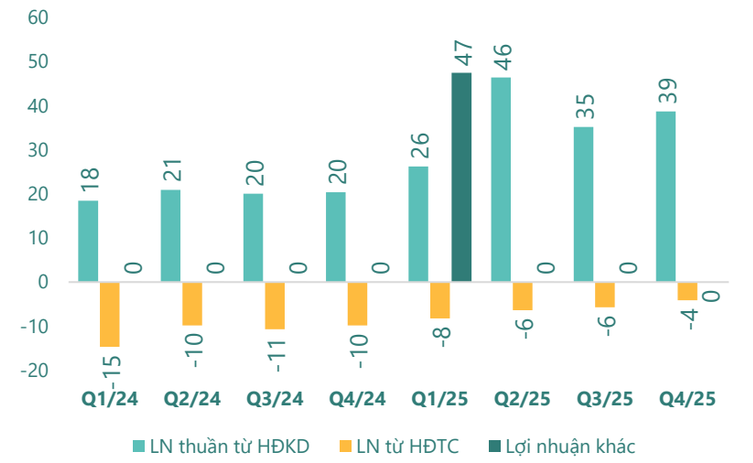
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



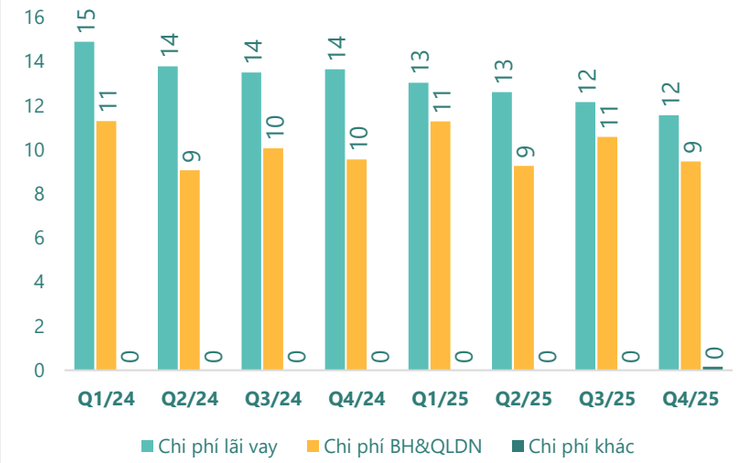
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



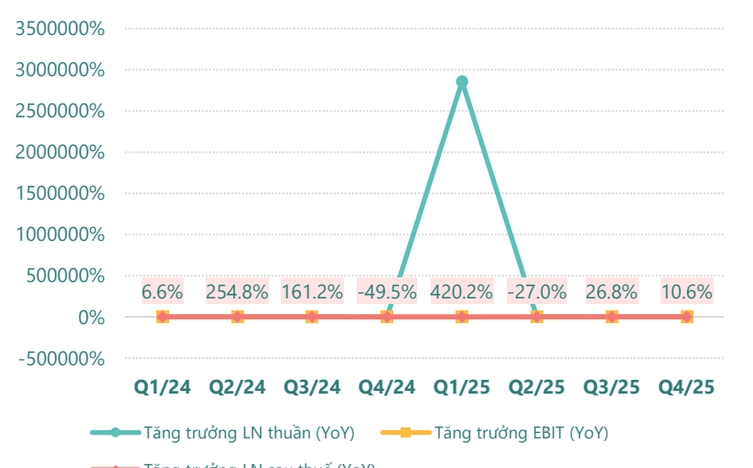
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



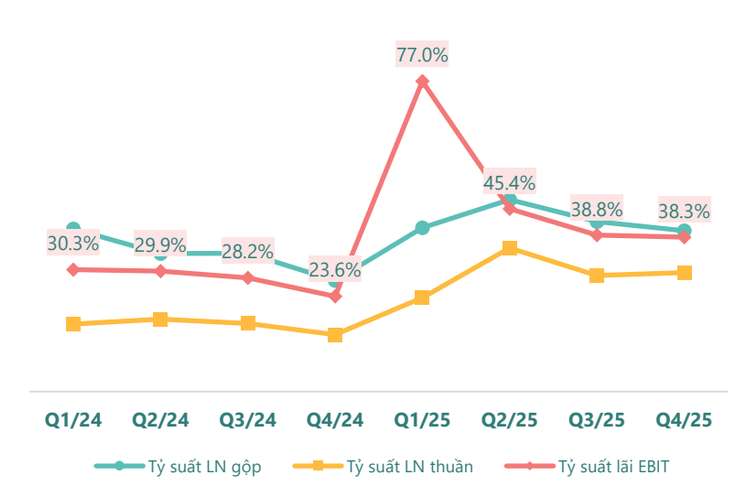
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



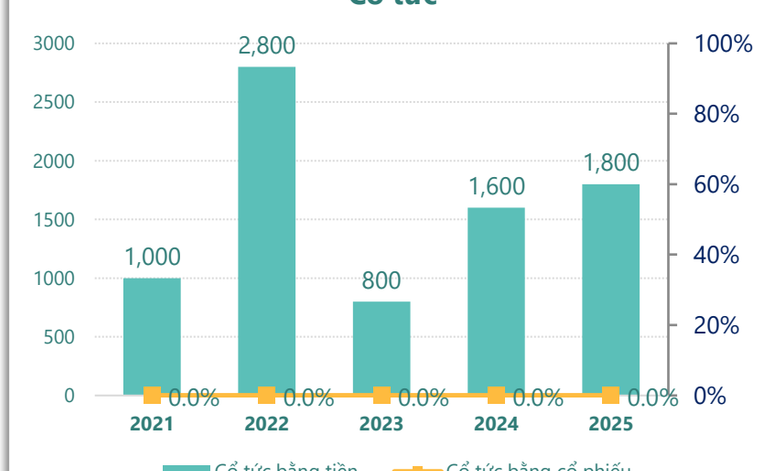
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

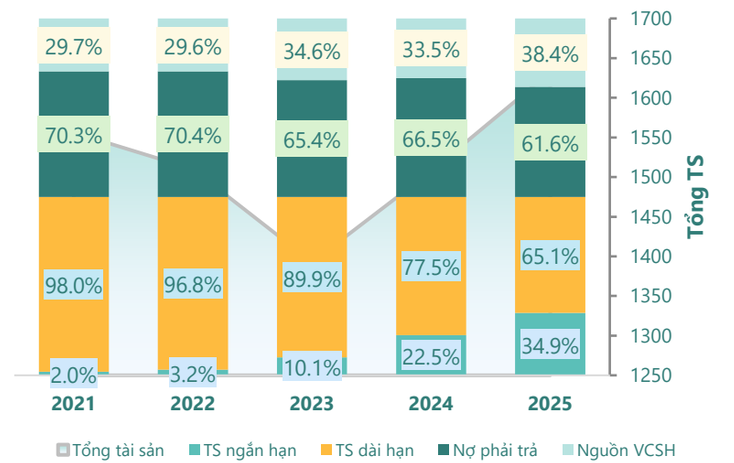
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

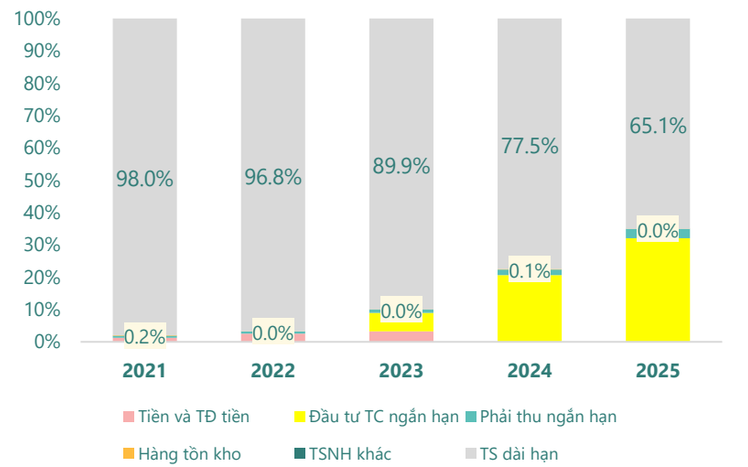
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



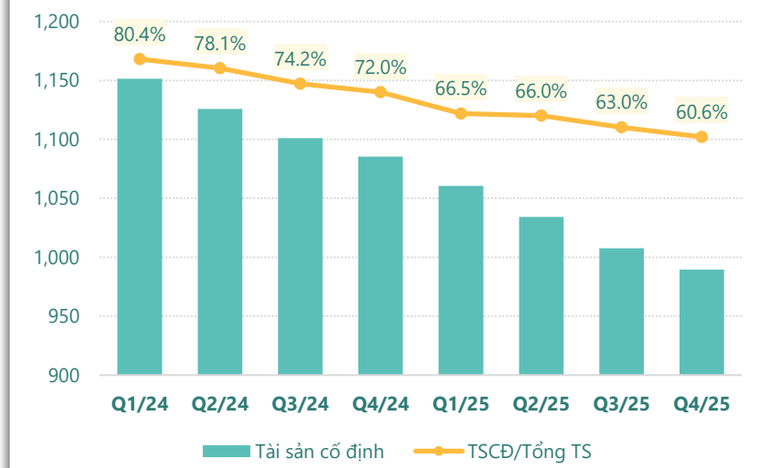
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



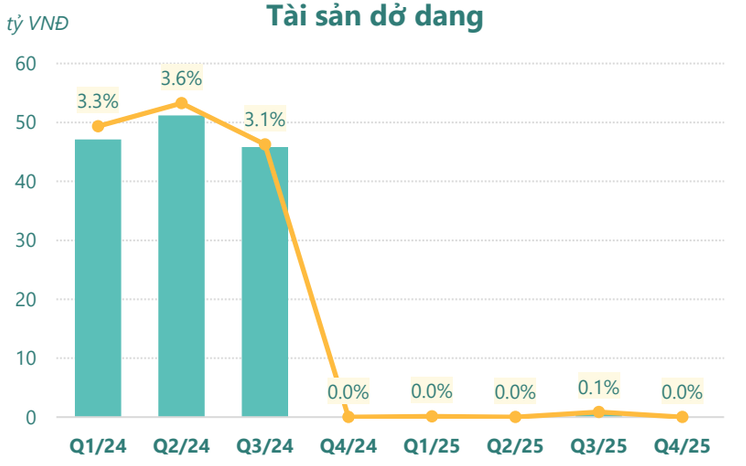
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



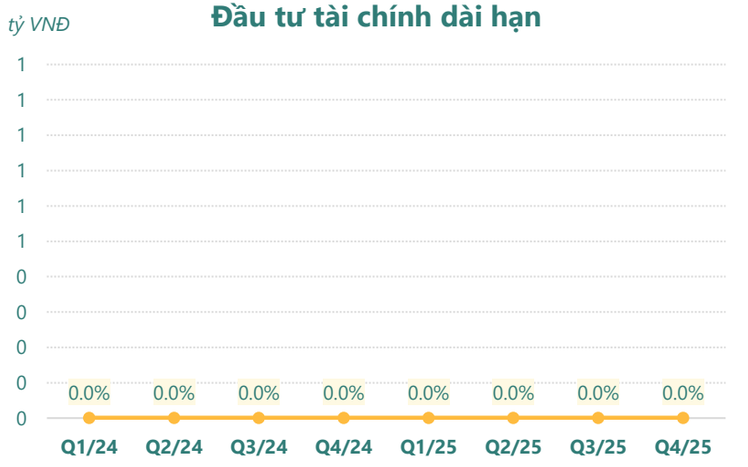
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



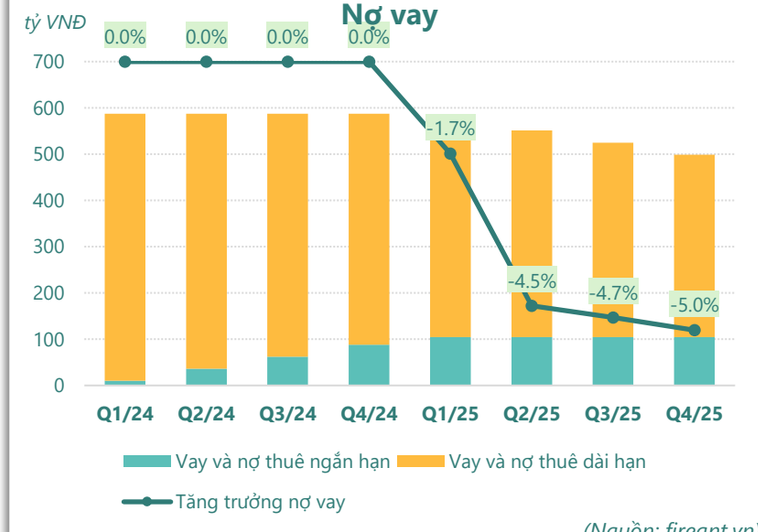
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

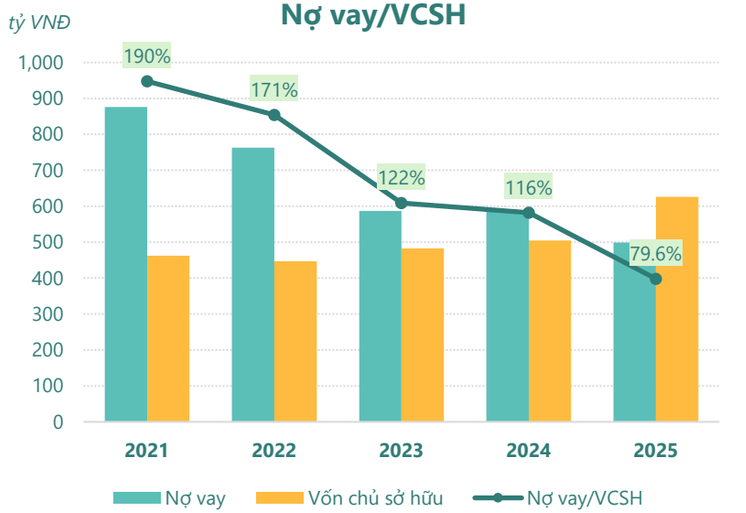
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

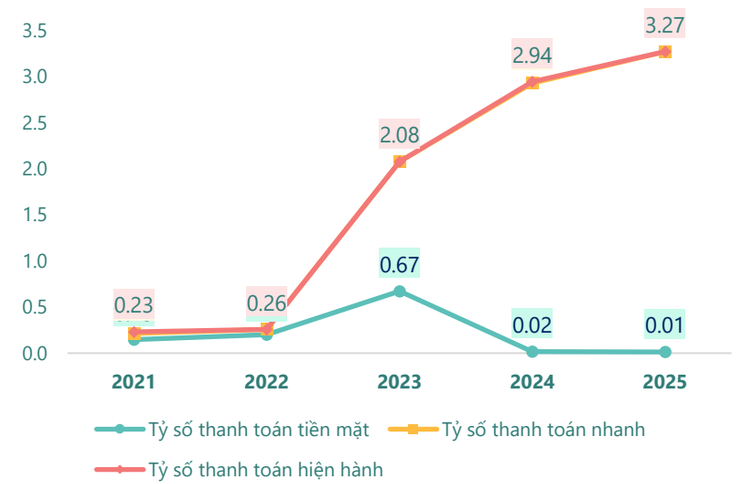
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



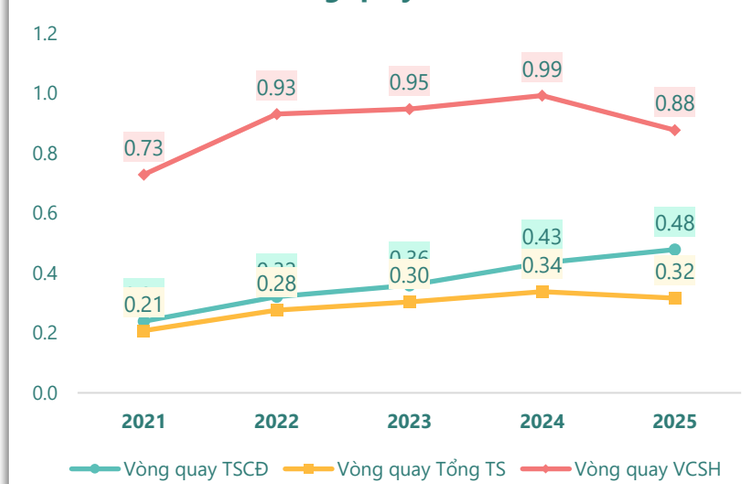
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



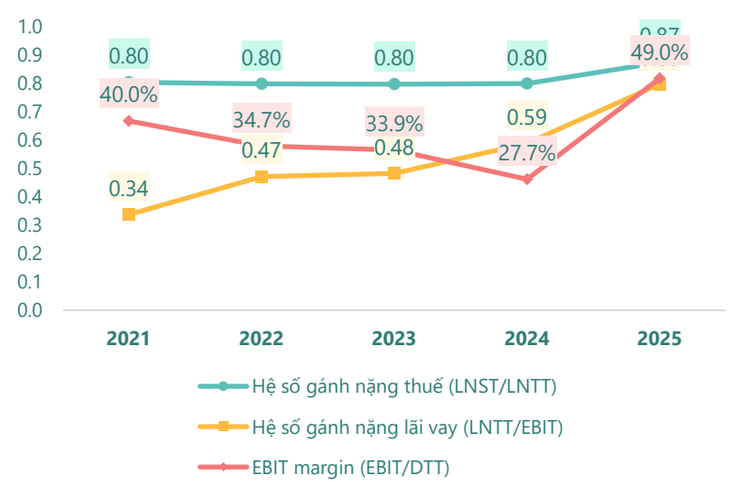
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



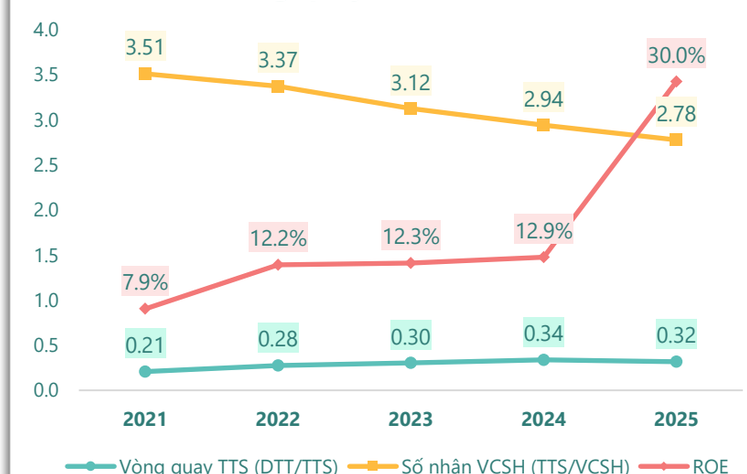
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



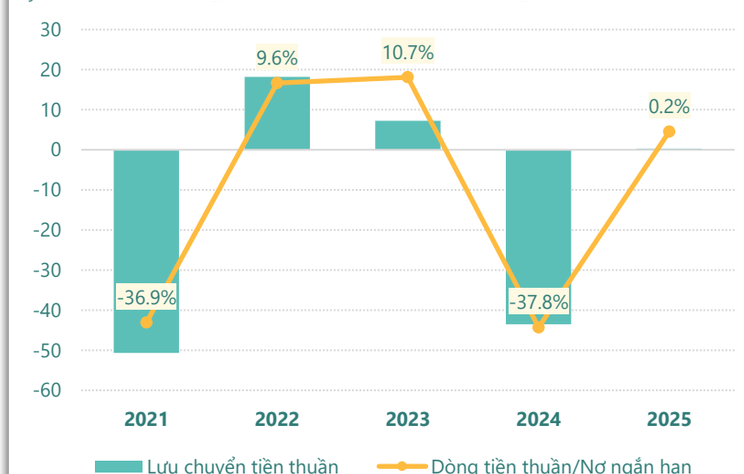
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**131**	**145**	**-9.6%**	**496**	**490**	**1.3%**
Giá vốn hàng bán	78.8	105	-24.9%	285	325	-12.4%
Lợi nhuận gộp	52.3	39.8	31.4%	212	165	28.4%
Doanh thu HĐTC	7.45	3.83	94.6%	25.0	10.9	130%
Chi phí TC	11.6	13.7	-15.5%	49.4	55.8	-11.6%
Chi phí lãi vay	11.6	13.7	-15.5%	49.4	55.8	-11.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	8.85	8.87	-0.2%	36.5	35.8	1.9%
Chi phí QLDN	**0.62**	**0.69**	**-10.0%**	**4.12**	**4.16**	**-1.0%**
LN thuần từ HĐKD	38.7	20.4	89.8%	147	79.8	83.6%
Lợi nhuận khác	**-0.08**	**0.06**	**-233%**	**47.5**	**0.08**	**62963%**
LN trước thuế	38.6	20.5	88.5%	194	79.9	143%
Lợi nhuận sau thuế	**45.3**	**16.3**	**178%**	**169**	**63.8**	**166%**
LNST của CĐ cty mẹ	**45.3**	**16.3**	**178%**	**169**	**63.8**	**166%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	60.6	39.7	58.2	69.5	73.9	65.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-63.2	-40.3	-45.5	0.39	-48.0	-40.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-0.05	-10.0	-70.7	-26.2	-26.2
Tiền đầu kỳ	5.08	2.47	1.88	4.49	3.71	3.49
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.61**	**-0.60**	**2.61**	**-0.77**	**-0.22**	**-1.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.47	1.88	4.49	3.71	3.49	2.17

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,632**	**1,507**	**8.3%**
Tài sản ngắn hạn	570	339	68.1%
Tiền và tương đương tiền	2.17	1.88	15.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	520	309	68.1%
Phải thu ngắn hạn	47.5	26.0	82.5%
Hàng tồn kho	0.09	1.80	-94.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**1,062**	**1,168**	**-9.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	989	1,085	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**72.9**	**82.8**	**-11.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,006	1,003	0.3%
Nợ ngắn hạn	**174**	**115**	**51.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	88.4	18.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.0	8.41	54.4%
Nợ dài hạn	832	888	-6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	394	499	-20.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**626**	**505**	**24.1%**
Vốn chủ sở hữu	**626**	**505**	**24.1%**
Vốn điều lệ	249	249	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)